TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**13**/2019/DS-ST
Ngày 30 - 5 - 2019
V/V tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019 ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn*:* Chị Phan Thị Xuân L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Bùi Thị B có mặt, chị Phan Xuân L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày yêu cầu như sau:

Nguyên vào ngày 20/01/2013 bà có nhờ chị Phan Thị Xuân L tham gia chơi dùm 01 chân hụi tháng trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng, hụi có 26

người tham gia. Bà đã tham gia đóng cho đến khi mãn hụi và sau đó bà có nhờ chị Phan Thị Xuân L hốt được số tiền 50.000.000đ, nhưng chị L chỉ giao tiền cho chị được số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) như vậy bà L còn nợ lại 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), sau khi trừ các khoản tiền thảo và tiền bà nợ thì chị L còn nợ lại bà số tiền hụi 26.750.000đ.

Đến tháng 10/2016 chị Phan Thị Xuân L tiếp tục mượn của bà số tiền 5.000.000đ và chị L tự nguyện thỏa thuận cho bà thêm 3.000.000đ tiền lãi. Như vậy tổng cộng chị L còn nợ bà tổng cộng số tiền 34.750.000đ. Sau đó chị L có gửi trả cho bà được số tiền 1.500.000đ. Như vậy chị L còn nợ lại bà số tiền 33.250.000đ. Trong đó tiền hụi do chị L chơi dùm là 25.250.000đ; tiền vay 8.000.000đ.

Nay bà Bùi Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết chị Phan Thị Xuân L trả số tiền còn nợ 33.250.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), yêu cầu trả trong thời hạn từ ngày Tòa án xét xử vụ án đến ngày 31/12/2019 âm lịch, yêu cầu trả trong 03 đợt, mỗi đợt trả 11.000.000đ và đợt cuối cùng trả số tiền còn lại 11.250.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Phan Thị Xuân L có ý kiến:

Chị Xuân L thừa nhận còn nợ bà B số tiền do chơi hụi dùm bà B và tiền vay tổng cộng là 33.250.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đúng như bà B trình bày. Chị cam kết trả cho bà B mỗi tháng 500.000đ, thời gian trả bắt đầu từ 13/4/2019 cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai; Đơn xác nhận tình trạng cư trú của chị L.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên.

Phần các đương sự thống nhất với nhau: Chị Phan Thị Xuân L và bà Bùi Thị B thống nhất xác định chị Phan Thị Xuân L còn nợ bà Bùi Thị B số tiền nợ 33.250.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Phần các đương sự không thống nhất với nhau: Về thời hạn trả thì bà B yêu cầu thanh toán nợ trong thời hạn từ ngày Tòa án xét xử vụ án đến ngày 31/12/2019 âm lịch, yêu cầu trả trong 03 đợt, mỗi đợt trả 11.000.000đ và đợt cuối cùng trả số tiền còn lại 11.250.000đ, chị L xin trả dần mỗi tháng 500.000đ, thời gian trả bắt đầu từ 13/4/2019 cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với nguyên đơn tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Bùi Thị B yêu cầu Tòa án buộc chị Phan Thị Xuân L trả cho bà số tiền nợ 33.250.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền hụi do chị L đứng ra chơi dùm cho bà B còn nợ lại là 25.250.000đ và tiền vay 8.000.000đ là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án chị L đều thừa nhận còn nợ bà B số tiền 33.250.000đ, nhưng không thỏa thuận được phương án trả nợ. Căn cứ vào Điều 166, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự: Tranh chấp phát sinh từ việc bà Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Xuân L trả tiền vay còn nợ và đòi lại tiền hụi do chị Phan Thị Xuân L là người trực tiếp chơi hụi đã hốt hụi mà không giao tiền cho bà B nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản".

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Chị Phan Thị Xuân L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phan Thị Xuân L.

[4] Về nội dung vụ án: Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là: Chị Phan Thị Xuân L còn nợ bà Bùi Thị B số tiền tổng cộng là 33.250.000đ. Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Khi nào Bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ Bản án yêu cầu theo Luật Thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, HĐXX thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B buộc bị đơn chị Phan Thị Xuân L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị B số tiền 33.250.000đ. Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Xuân L xin được trả dần cho bà Bùi Thị B mỗi tháng 500.000đ nhưng không được bà B đồng ý do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Xuân L.

[5] Về án phí của vụ án: 33.250.000đ x 5% = 1.662.500đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 1.662.500đ.

Bà Bùi Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 869.000đ (Tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005829 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 166, Điều 357, Điều 463 và Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Buộc chị Phan Thị Xuân L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị B số tiền 33.250.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải

trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí vụ kiện:

Chị Phan Thị Xuân L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 33.250.000đ x 5% = 1.662.500đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Bùi Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 869.000đ (Tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005829 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm